

Bản án số: **04/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 25/02/2025.
V/v "Yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ , THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tý
2. Ông Nguyễn Duy Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyễn Viết Cường, Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 403/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc "*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 403/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1987; địa chỉ: K130/H30/05 Điện Biên Phủ, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1984; địa chỉ: số 01/16 Mai Xuân Thưởng, phường Hòa Khê (nay là phường Thanh Khê Đông), quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/9/2024 và bản tự khai ngày 27/9/2024, nội dung các biên bản phiên hoà giải ngày 15/11/2024, 02/01/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Từ khoảng tháng 6 năm 2020, bà T và ông Trần Văn N có mối quan hệ tình cảm với nhau trên cơ sở tự nguyện mặc dù ông N đã có gia đình. Với sự đồng thuận của cả hai bên, năm 2022, bà T đã mang thai cháu Nguyễn Bảo K, sinh ngày 23/11/2022. Tuy nhiên, sau khi bà T mang thai, ông N bỏ mặc, không quan tâm và không có trách nhiệm đối với mẹ con bà T. Bà T đã nộp đơn yêu cầu Toà án nhân dân quận Thanh Khê thực hiện công nhận ông N là cha đẻ cháu K. Ngày 26/8/2024, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 197/2024/QĐST-HNGĐ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giữa bà T và ông N, cụ thể, các bên đương sự thống nhất nội dung ông N là cha đẻ của cháu Nguyễn Bảo K.

Bà T và ông N không đăng ký kết hôn, tuy nhiên, ông, bà đã có khoảng thời gian chung sống với nhau như vợ chồng. Vì vậy, với trách nhiệm của một

người cha, ông N phải cùng bà T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo K đến khi cháu đủ 18 tuổi. Vì bà T là người trực tiếp nuôi con, bà T và ông N đã thỏa thuận như sau:

Từ ngày cháu K được sinh ra (ngày 23/11/2022) đến hết tháng 02/2024, mỗi tháng, ông N cấp dưỡng cho cháu K 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*).

Từ tháng 3/2024 đến khi cháu K đủ 18 tuổi, mỗi tháng, ông N sẽ cấp dưỡng cho cháu K số tiền 2.500.000 đồng (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Như vậy, tổng số tiền mà ông N phải cấp dưỡng cho cháu K từ ngày cháu K được sinh ra (ngày 23/11/2022) đến thời điểm hiện tại tạm tính như sau: Từ ngày 23/11/2022 đến hết tháng 02/2024: 15 tháng x 2.000.000 đồng = 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

Từ tháng 3/2024 đến hết tháng 02/2025: 12 tháng x 2.500.000 đồng = 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

Theo đó, tổng số tiền mà ông N phải cấp dưỡng cho cháu K từ ngày cháu K được sinh ra đến thời điểm hiện tại (tháng 02/2025) tạm tính là: 30.000.000 đồng + 30.000.000 đồng = 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*). Bà T xác nhận nội dung ông N đã đưa cho bà T tổng số tiền là: 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*). Vì vậy, tổng số tiền cấp dưỡng cho cháu K mà ông N còn thiếu bà T tạm tính đến ngày 25/02/2025 là 48.000.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu đồng*).

Vì ông N không thực hiện đúng cam kết cấp dưỡng cho con nên để đảm bảo việc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo K một cách tốt nhất, nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Thanh Khê giải quyết:

+ Buộc ông Trần Văn N phải chuyển cho bà T một lần và đầy đủ số tiền cấp dưỡng còn thiếu đối với cháu Nguyễn Bảo K từ ngày 23/11/2022 đến ngày 25/02/2025 tạm tính là 48.000.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu đồng*).

+ Buộc ông Trần Văn N hàng tháng phải chuyển cho bà T số tiền là: 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) để thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Nguyễn Bảo K từ tháng 03/2025 đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Theo bản tự khai ngày 30/9/2024, đơn trình bày ý kiến ngày 15/11/2024, nội dung các biên bản phiên hoà giải ngày 15/11/2024, 02/01/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn ông Trần Văn N trình bày:

Về số tiền bà T yêu cầu chi trả cấp dưỡng một lần kể từ ngày cháu K sinh ra (ngày 23/11/2022 đến ngày 25/02/2025) tạm tính là 48.000.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu đồng*), ông N không đồng ý vì các lý do sau:

Trước đây, giữa ông N và bà T đã nhiều lần trao đổi và có 01 buổi thỏa thuận giải quyết với sự chứng kiến của thân nhân hai bên gia đình, nhưng không thành nên ông, bà đã thống nhất sẽ thực hiện theo qui định của Tòa án. Sau đó, Trung tâm hòa giải và Tòa án có làm việc với 2 bên nhưng cũng chưa đi đến thống nhất. Từ cuối tháng 8/2024, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê mới có Quyết định số 197/2024/QĐST-HNGĐ thực hiện công nhận ông N là cha đẻ cháu K. Vì vậy, trên cơ sở này, ông N chỉ chấp nhận thực hiện việc cấp dưỡng cho cháu K từ khi có quyết định phán quyết của Tòa án.

Ông N ý thức được sai phạm bản thân nên đã luôn cầu thị, nhiều lần mong muốn giải quyết, khắc phục hậu quả, nhưng quá trình giải quyết, ngay tại các cơ

quan có thẩm quyền như Tòa án, bà T luôn có thái độ thách thức, coi thường pháp luật và quan điểm là trả thù, đập đổ tất cả chứ không trên tinh thần hợp tác.

Trước đó, bà T còn lợi dụng cháu K, gây áp lực tâm lý, buộc ông N phải thực hiện những yêu cầu vô lý, nếu ông N không thực hiện thì dùng lời nói, hành động khiêu khích, xúc phạm ông N và gia đình ông thậm tệ. Nghiêm trọng hơn nữa, bà T còn cố ý quấy rối gia đình ông N, gây tổn hại trầm trọng về tinh thần đối với cha mẹ, vợ và đặc biệt là 02 con nhỏ của ông N.

Dù bà T đã 02 lần bị cơ quan Công an xử lý vi phạm hành chính về lĩnh vực trật tự, an toàn xã hội, nhưng khi Tòa án đang trong quá trình tiếp nhận, giải quyết vụ việc, bà T vẫn cố ý quấy rối các con ông N, khiến ảnh hưởng đến tâm lý, việc học của các cháu. Bà T là một người mẹ, đang nhân danh việc đòi quyền lợi cho con mà lại thực hiện hành vi xấu, quấy rối các con ông N khi hiểu rõ chúng là những đứa trẻ vô tội, đây là hành vi vô cùng tàn nhẫn, trái đạo đức xã hội, không thể chấp nhận được.

Điều kiện hoàn cảnh kinh tế hiện tại ông N chỉ có thu nhập từ tiền lương và không có thu nhập khác. Khi sự việc xảy ra, bà T nhiều lần gửi đơn tố cáo dẫn đến việc ông N bị xử lý về chính quyền, về ngành nên thu nhập của ông N từ các khoản tiền lương đều bị cắt giảm, cuộc sống hết sức khó khăn. Vì vậy, ông N không đồng ý với yêu cầu của bà T về việc cấp dưỡng một lần số tiền tạm tính từ ngày 23/11/2022 đến ngày 25/02/2025 là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng).

- Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là 2.500.000 đồng/tháng (hai triệu năm trăm ngàn đồng/tháng) là quá khả năng của ông N. Hiện bản thân ông N phải nuôi dưỡng, chăm sóc cho cha, mẹ hai bên già yếu, 01 anh vợ đang bị bệnh nặng, 02 con chưa thành niên, chi trả các khoản nợ vay mượn từ người thân, bạn bè trong khi các khoản thu nhập của ông N đều đã bị cắt giảm từ sự việc trên. Vì vậy, thực tế khả năng ông N thực hiện nghĩa vụ đối với cháu K hiện chỉ có thể ở mức 2.000.000 đồng/tháng kể từ ngày Tòa án yêu cầu phải thực hiện. Nếu có phát sinh những chi phí khác thì ông N cũng chỉ đủ khả năng hoàn trả dần cho bà T với số tiền không quá 500.000 đồng/tháng đến khi kết thúc.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã giao nộp những tài liệu, chứng cứ sau: Nguyên đơn, bà T giao nộp: 01 Giấy khai sinh Nguyễn Bảo K (Bản sao); 01 Xác nhận thông tin về cư trú (Bản chính); 01 Căn cước công dân Nguyễn Thị Thu T (Bản sao); 01 Biên bản làm việc ngày 31/8/2022 tại Công an quận Thanh Khê; 02 Thông báo về việc chuyển đơn số 575/TB-T.Tra ngày 09/9/2022 và 555/TB-T.Tra ngày 01/8/2023 (Bản sao); 01 Thông báo kết quả giải quyết tố cáo số 118/TB-CAQ ngày 30/9/2022 (Bản sao); 01 Giấy mời về việc thông báo kết quả xét nghiệm ADN thực hiện theo quy trình xử lý kỉ luật đảng viên (Bản photo); 01 Phiếu hướng dẫn số 166/HD-CAQ ngày 11/8/2023 (Bản sao); 01 Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 197/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2024. Bị đơn, ông N không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì. Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị Thu T khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Bị đơn là ông Trần Văn N có địa chỉ: số 01/16 Mai Xuân Thuồng, phường Hòa Khê (nay là phường Thanh Khê Đông), quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 197/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thì bà Nguyễn Thị Thu T và ông Trần Văn N có 01 con chung tên là Nguyễn Bảo K, sinh ngày 23/11/2022. Nay, bà Nguyễn Thị Thu T khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 21 Bộ luật Dân sự; các Điều 3, 82, 107, 110, 115, 116 và 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân gia đình để giải quyết vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T và bị đơn ông Trần Văn N. Tại phiên tòa, bà T và ông N đều có mặt, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 222 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị Thu T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn N phải cấp dưỡng cho bà T một lần và đầy đủ số tiền cấp dưỡng còn thiếu đối với cháu Nguyễn Bảo K từ ngày 23/11/2022 đến ngày 25/02/2025 tạm tính là 48.000.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu đồng*) (đã trừ đi 12.000.000đ là số tiền mà ông N đã chuyển cho bà T) và buộc ông Trần Văn N hằng tháng phải chuyển cho bà T số tiền là: 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) để thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Nguyễn Bảo K từ tháng 03/2025 đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Ông Trần Văn N thống nhất với bà T về việc đã chuyển cho bà T 12.000.000 đồng; mặc khác ông N không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T và yêu cầu được thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu K số tiền 2.000.000 đồng/tháng kể từ ngày 26/8/2024. Nếu có phát sinh những chi phí khác thì ông N cũng chỉ đủ khả năng hoàn trả dần cho bà T với số tiền không quá 500.000 đồng/tháng đến khi kết thúc.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 197/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2024 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông N đều thống nhất với bà T về nội dung ông Trần Văn N là cha đẻ của cháu Nguyễn Bảo K, sinh ngày 23/11/2022. Bà T hiện là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo K; nay bà T yêu cầu ông N là người không trực tiếp nuôi dưỡng cháu K phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 107, khoản 1 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 2 và khoản 4 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân gia đình quy định: “2. *Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con...*

4. *Nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình phát sinh kể từ thời điểm cha, mẹ không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác”.*

Đồng thời, tại Điều 3 Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động (và Điều 02 Phụ lục ban hành kèm theo) quy định: Mức lương tối thiểu của các quận, huyện thuộc thành phố Đà Nẵng là 4.410.000 đồng/tháng.

Ông Trần Văn N là người cấp dưỡng, là cán bộ công chức đang sinh sống tại quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Vậy Hội đồng xét xử có cơ sở để kết luận, mức cấp dưỡng 2.205.000 đồng/tháng cho cháu Nguyễn Bảo K là phù hợp. Như vậy, tổng số tiền mà ông N phải cấp dưỡng cho cháu K từ ngày cháu K được sinh ra (23/11/2022) đến thời điểm hiện tại tạm tính như sau: Từ ngày 23/11/2022 đến ngày 23/02/2024: 15 tháng x 2.000.000 đồng = 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Từ ngày 24/02/2024 đến ngày 25/02/2025: 12 tháng x 2.205.000 đồng = 26.460.000 đồng (Hai mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng).

Số tiền bà T yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi cháu K từ ngày 23/11/2022 đến ngày 25/02/2025 được chấp nhận là: (30.000.000 đồng + 26.460.000 đồng) – 12.000.000 đồng = 44.460.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

Từ tháng 3 năm 2025, ông Trần Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Bảo K số tiền 2.205.000 đồng/tháng (Hai triệu hai trăm lẻ năm ngàn đồng/tháng) cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi là phù hợp với các Điều 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

[5] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Thu T không phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con. Ông Trần Văn N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 3, Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao; Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ;

Căn cứ Điều 12 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Thu T đối với bị đơn, ông Trần Văn N về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

1.1 Buộc ông Trần Văn N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Bảo K, sinh ngày 23/11/2022 số tiền từ ngày 23/11/2022 đến ngày 25/02/2025 là 44.460.000 đồng (Bốn mươi bốn triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

1.2 Buộc ông Trần Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Bảo K, sinh ngày 23/11/2022 số tiền 2.205.000 đồng/tháng (Hai triệu hai trăm lăm nghìn đồng/tháng) kể từ tháng 3 năm 2025 cho đến khi cháu Nguyễn Bảo K đủ 18 tuổi. Tiền cấp dưỡng giao vào ngày 25 hàng tháng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của người được thi hành án, thì ngoài số tiền phải trả, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Văn N phải chịu 300.000 đồng về án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (25/02/2025).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND quận Thanh Khê ;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê ;
- Thành phần tham gia tố tụng;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Dũng

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

